

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 3 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Bà Vũ Mỹ Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 540/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-DS ngày 19/02/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1965; ĐKKHKT: Số 104-N2, tập thể K, phường Y, quận C, Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Số 55 ngõ 105 D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

Bị đơn: **Ông Lê Hữu C**, sinh năm 1965; ĐKNKTT và nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Số 55 ngõ 105 D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

- **Về tình cảm:** Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hữu C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận C, Hà Nội ngày 4/4/1990. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống với nhau tại địa chỉ Số 55 ngõ 105 D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách. Ông C đã bỏ đi khỏi nhà từ khoảng tháng 01/2018 đến nay không rõ địa chỉ. Bà T đã tìm kiếm ông C ở nhiều nơi nhưng cũng không có kết quả. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và đăng tin theo quy định của pháp luật để tìm kiếm ông C nhưng vẫn không có tin tức gì. Đến nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- **Về con chung:** Bà T và ông C có hai con chung là Lê Hồng N (nữ) sinh ngày 18/01/1991 và Lê Đức H (nam) sinh ngày 10/10/1995.. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Bà T xác nhận vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên bà T không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; bà T chấp hành tốt yêu cầu của Tòa án về triệu tập của Tòa án và điều hành của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà T và ông C trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau, ông C đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ tháng 01/2018 đến nay, bà T đã thông báo tìm kiếm ông C nhưng không có kết quả, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ theo điều 19 Luật Hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông C; Về con chung: Bà T và ông C có hai con chung là Lê Hồng N (nữ) sinh ngày 18/01/1991 và Lê Đức H (nam) sinh ngày 10/10/1995, con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ: Bà T xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Bị đơn là ông Lê Hữu C có nơi cư trú cuối cùng là số 55 ngõ 105 D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Ông Lê Hữu C vắng mặt tại nơi cư trú nên sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã niêm yết các văn bản, triệu tập ông Lê Hữu C đến Tòa án để giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, tuy nhiên ông C vẫn không có mặt tại Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông Lê Hữu C. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xét xử vắng mặt ông Lê Hữu C theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- **Về tình cảm:** Bà Nguyễn Thị T kết hôn với ông Lê Hữu C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận C, Hà Nội ngày 4/4/1990 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T: Quá trình chung sống, ông bà không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn vợ chồng ông C đã bỏ đi khỏi nhà từ tháng 01/2018, bà T đi tìm kiếm nhiều nơi và đã đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm ông C nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Ông bà đã sống ly thân một thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Việc ông C bỏ đi không cho bà T biết nơi ở mới, bà T đã chủ động yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm ông C, chứng tỏ ông C không tích cực trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thực hiện nghĩa vụ của người chồng được quy định tại điều 19 luật Hôn nhân gia đình 2014, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông C.

- **Về con chung:** Bà T và ông C có hai con chung là Lê Hồng N (nữ) sinh ngày 18/01/1991 và Lê Đức H (nam) sinh ngày 10/10/1995. Hiện nay con chung đã trưởng thành việc ở với ai do cháu quyết định, nên không giải quyết.

- **Về tài sản chung** (động sản, bất động sản) và các khoản nợ (nếu có): Bà T không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020501 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Xác nhận bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 19, điều 51, điều 53, Khoản 1 Điều 56, điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Lê Hữu C. Bà T được ly hôn ông C.

2. **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hữu C có hai con chung là Lê Hồng N (nữ) sinh ngày 18/01/1991 và Lê Đức H (nam) sinh ngày 10/10/1995. Cháu N và cháu H đã trưởng thành việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

3. **Về tài sản chung** (động sản, bất động sản) và các khoản nợ (nếu có): Không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020501 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Xác nhận bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND quận Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND phường M (để niêm yết);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Hà